

A voyage to Cochinchina, in the years 1792 and 1793 [Chuyến đi đến nước Việt Đông Trong vào các năm 1792 và 1793]

Tác giả: Sir John Barrow



Tiểu sử tác giả:

Sir John Barrow sinh ngày 19 tháng 6 năm 1764 tại Dragley, Lancashire nước Anh, mất ngày 23 tháng 11 năm 1848; là nhà văn, nhà địa lý, ngôn ngữ học và công chức. Ông từng theo Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Anh, George Lord Macartney, đến thăm Bắc Kinh, yết kiến Vua Càn Long. Sir John Barrow cho biết trong dịp này, từng làm quen với Phúc Khang An, nhân vật liên

quan đến lịch sử Việt Nam thời Vua Quang Trung. Ông được biết đến nhiều nhất với chức vụ Bí thư thứ hai bộ hải quân Anh từ năm 1804 đến năm 1845.

Hạm đội chở sứ bộ Anh trên hải trình đến Bắc Kinh, thủy thủ bị bệnh nhiều; nên phải ghé vào đảo Côn Lôn, rồi đến Đà Nẵng vào mùa xuân năm 1793 để dưỡng bệnh. Dựa vào những điều mắt thấy tai nghe về nước Việt Đàng Trong, Sir John Barrow đã viết quyển sách mang tên **A Voyage to Cochinchina in the Years 1792 and 1793** (*Chuyến đi đến nước Việt Đàng Trong trong các năm 1792 và 1793*).

Lời người dịch:

Quyển sách nhan đề **A Voyage to Cochinchina in the Years 1792 and 1793** (*Chuyến đi đến nước Việt Đàng Trong trong các năm 1792 và 1793*) do Cambridge University Press xuất bản tại London năm 1806, gồm 11 chương; nhưng thực sự chỉ có 3 chương 9, 10, 11 đề cập đến nước Việt Đàng Trong, còn các chương còn lại chép về các vùng khác trên thế giới; nên chúng tôi chỉ dịch 3 chương về nước Việt Đàng Trong mà thôi.

Như trên đã trình bày tác giả Sir John Barrow dựa vào nghe và nhìn để soạn quyển sách này. Về phần “nhìn”, nhân tác giả từng tháp tùng hạm đội chở sứ bộ Macartney gồm 3 chiếc tàu, dẫn đầu là chiến hạm Lion đến Đà Nẵng vào ngày 24 tháng 5 năm 1793, qua bờ biển Trung Quốc vào tháng 6, đến Bắc Kinh vào tháng 8, yết kiến Vua Càn Long vào tháng 9 năm 1793, đó là cơ hội bằng vàng để tác giả quan sát địa thế, phong tục, tập quán; và sự giao thiệp với chính quyền sở tại; bấy giờ Đà Nẵng, Hội An do nhà Tây Sơn, Nguyễn Quang Toản kiểm soát.

Phần “nghe” về cuộc chiến nhà Nguyễn và Tây Sơn, bang giao giữa Vua Quang Trung và nhà Thanh, hiệp ước Việt Pháp năm 1787; đều dựa vào hồi ký viết tay của Barissy, Sĩ quan tình báo Pháp, từng chỉ huy một chiếc tàu khu trục giúp Nguyễn Vương Phúc Ánh; hoặc qua sự tiếp xúc với các vị Thừa sai. Tục ngữ ta có câu “*Trăm nghe, không bằng một thấy*”, thỉnh thoảng những lời “nghe” này có phần xa với chính sử, người dịch xin mạn phép có thêm phần chú thích.

Dịch giả cần chỉ,

Hồ Bạch Thảo

Chương 9.

Cochinchina

(Nước Việt Đàng Trong)

1. Geografical outline Bays and Rivers- Suspicious conduct of the natives and cause of it.

(Phác thảo địa lý Vịnh và Sông- Hành vi ngờ vực của người bản xứ và nguyên nhân)

Nấn ná lâu hơn tại vùng xung quanh xích đạo, trái với dự liệu; trong đoàn có lời khuyên nếu có thể tránh được thì nên lưu ý đến sức khỏe của thủy thủ; nên chúng tôi vui vẻ từ bỏ vùng bờ biển sinh lầy Sumatra [Indonesia] và eo biển Banca [Indonesia]. Sau những cố gắng chịu đựng không kết quả tại vịnh đảo Pulo Lingin, vị trí ngay dưới đường xích đạo, chúng tôi không ân hận rời nó, vì rất ít người trong chúng tôi muốn đương đầu với khí hậu cực nóng trên đảo này. Bayer người hiểu về vùng này bảo rằng dòng giống tại đây lan truyền nhanh, không bởi sự giao hợp thường xuyên, nhưng nhờ khí hậu; riêng tôi cho là bởi thụ thai tự phát may mắn tạo thành “*niềm mong muốn mạnh mẽ trong thời điểm sinh sản*”.

Nhờ thuận lợi của gió mùa ít khi gặp được, và tình trạng đau ốm cần được phục hồi tại bờ, chúng tôi đến đậu tại vịnh trước một hòn đảo nhỏ tên là Pulo Condore [Côn Đảo], vị trí ngay chỗ có thể quan sát rõ đảo này. Những tàu lớn của chúng tôi, là dịp trọng đại xảy ra cho dân nghèo trên đảo, khiến họ sợ hãi chạy vào rừng, để lại những đồ vật ít ỏi phơi bày tại cửa lều và tờ giấy nhỏ viết bằng chữ Nho (1) cầu nguyện; khiến chúng tôi hài lòng cảm lấy và dung tha

chỗ ở thấp hèn của họ. Từ đảo này chúng tôi vội vã khởi hành vào một lục địa Á Châu, bấy giờ ít được biết hơn giá trị của nó. Tôi mạo muội tiên đoán rằng thời gian gần sẽ đến, để một vài nước Âu Châu hiểu rõ, trước khi những năm tháng dài trôi qua.

Trong tư liệu sắp xếp về địa lý mới và đáng tin cậy nhất cung cấp cho công chúng về một phần châu Á bao gồm 20 triệu dân, diện tích từ 3 đến 4 trăm ngàn dặm Anh; phi thường về hình dáng, kéo dài giống như một vạch - trên ngòi bút. Ông Pinkerton bảo rằng:

“Các vương quốc Laos, Cambodia, Siampa [Thái Lan], Cochinchina [nước Việt Đàng Trong], và Tung Quin [Đông Kinh, Bắc Phần] là những nước không quan trọng với chính họ và nguồn tài vật không hoàn hảo.”

Đối với phần sau của lời khẳng định hời hợt không đủ yếu tố mà tôi đã nêu danh, thực hảo huyền không phù hợp với những nước đã nêu. Hy vọng rằng những tài liệu xác thực tôi sắp sửa đưa ra trước công chúng cho thấy các nước này, hoặc một phần vùng đó, tài vật giá rất rẻ, không những quan trọng đối với chính họ, mà còn có giá trị cao trong thời hiện tại và tương lai của vùng Ấn Độ thuộc Anh. Để phác họa phần lịch sử trong chương này được tốt hơn, thiết tưởng không sai lầm khi đề cập trước nét tổng quát về hoàn cảnh địa lý và phân tích một phần đất lục địa châu Á thường được gọi là Cochinchina.

Vương quốc Trung Hoa về phía nam chấm dứt tại vĩ tuyến thứ 22; nhưng vùng đất nối liền tiếp tục tại phía tây cho đến bắc vĩ tuyến thứ 9. Dọc theo 13 vĩ tuyến này, tại phía giữa là rặng núi chạy dài từ bắc chí nam, chia vương quốc Birman [Miến Điện] về phía tây; và các vương quốc *Tung Quin* [Đông Kinh, Bắc Phần], *Cochinchina* [nước Việt Đàng Trong], *Tsiompa* [Champa, Chiêm Thành] và Cambodia về phía đông. Những tên này ghi trên bản đồ; tuy nhiên ngoại trừ *Tung Quin* [Đông Kinh, Bắc Phần], các tên khác dân bản xứ hoàn toàn không biết. Nhóm 3 tên còn được gọi là Annan [An Nam] và phân biệt bằng 3 phần phân cách lớn. Phần thứ nhất vào vùng cực nam, bắt đầu từ vịnh Xiam [Xiêm] nằm tại vĩ tuyến thứ 9 ngược lên đến vĩ tuyến 12 gọi là Don Nai [Đồng Nai]. Phần thứ hai kéo dài từ đó cho đến vĩ tuyến thứ 15, gọi là Chang [Quảng]. Phần thứ ba, giữa chỗ này cho đến vĩ tuyến thứ 17 là nơi Vương quốc *Tung Quin* [Đông Kinh] bắt đầu, được gọi là Hué [Huế]. Vịnh và cảng thuộc bờ biển của 3 phần này đều an toàn và tiện lợi.

Sông lớn Don Nai [Đồng Nai] (trên bản đồ Cambodia) (2) tàu lớn có thể hàng hành ngược dòng lên đến 40 dặm Anh [1 dặm = 1.609 mét], thành phố Sai Gong [Sài Gòn] đặt tại đó, có một bến cảng rộng rãi và tiện lợi và kho vũ khí lớn cho hải quân. Một người Anh đáp tàu

Bồ Đào Nha ngược dòng sông này, trong chuyến hành trình từ Trung Quốc đến Ấn Độ; trình bày với tôi rằng có thể tưởng tượng được đó là một cảnh tượng lớn. Sông này có một vài nhánh, bề ngang ít khi lên đến 2 dặm, còn phần lớn nhỏ hơn 1 dặm, nhưng mọi nơi nước đều sâu, giây thường trên tàu đôi khi vướng vào rễ cây rừng tỏa bóng trên bờ; hai bên sườn tàu lướt nhẹ bên bờ cỏ xanh tươi.

Vùng Chang [Quảng], tại vĩ độ 13.5 là vịnh và bến cảng Chin Cheo [Thị Nại]; vịnh này rộng rãi và che được mọi thứ gió, nhưng tàu lớn chỉ vào được lúc nước lên, và phải tính đến chướng ngại vật giăng ngang cửa vào hẹp ở phía trong hoặc phía ngoài vịnh. Thành phố Quin Nong [Qui Nhơn] nằm ở đầu vịnh.

Thành phố chính tại vùng Hué [Huế] cũng mang tên Hué [Huế], nằm trên bờ sông lớn, tàu lớn hơi nặng có thể vào được, nhưng có cồn cát ngăn trước cửa sông. Phía nam sông này không xa là vịnh Han San, trên bản đồ thường ghi là Turon [Tourane, Đà Nẵng], về an toàn và tiện nghi nó cung cấp tương đương với một ít bến cảng tại thế giới Đông Phương; nhưng chắc chắn vùng này cũng không có cảng nào vượt qua, nó nằm tại vĩ độ bắc 16.07 .

Chúng tôi hướng cuộc hành trình đến vịnh Turon [Tourane, Đà Nẵng] từ đảo Pulo Condore [Côn đảo]; rồi đến đó vào ngày 24 tháng 5 [1793]. Không có bất cứ đồ biểu nào để dựa vào, và nhận thấy có đông thuyền đánh cá giữa tàu chúng tôi và bờ, bèn đưa một chiếc thuyền đi kiếm người chỉ đường; nhưng những người đánh cá thấy thuyền bèn dương buồm chạy trốn. Cuối cùng thì một chiếc thuyền không buồm đi qua, mang theo một kẻ khốn khổ, mà tôi không dám coi là một đối tượng đáng thương. Cặp mắt anh ta sâu thẳm, da mặt màu nâu gỗ sồi, hốc hác, nhãn nhỏ; những lọn tóc màu xám nhô lên trong chiếc khăn bần quấn trên đầu. Y phục anh gồm một cái áo ngắn với mấy chục miếng vá đủ màu và một cái quần rách. Gặp một con người như vậy, chúng tôi không đánh giá cao mong đợi sự giúp đỡ. Bước vào tàu anh ta bị kích động mạnh, mắt liếc vòng quanh sân tàu, tại khẩu súng lớn; tuy không phiền nhiễu nhiều vì đông người xuất hiện, nhưng anh chú ý nhất là cây cột buồm cao lớn trên thân tàu. Anh ta thường quì xuống, bật khóc. Với vài sự khó khăn lúc đầu, cuối cùng anh cảm nhận được không khí hòa bình; qua tín hiệu bằng tay, hiểu được tại sao anh ta bị mang lên tàu và chỉ con đường vào cảng, không dễ khám phá đối với một kẻ lạ. Thời tiết bây giờ mưa gió, chúng tôi chờ đến chiều ngày hôm sau mới vào.

Tình trạng thương tâm vì đau ốm chuyển sang bệnh sỏi mà chúng tôi mắc phải khi ở Batavia [Indonesia] đã lây truyền ra hầu hết các tàu là lý do chính tại sao phải tìm vào

Turon [Tourane, Đà Nẵng], sau khi gặp cảnh thất vọng tại Côn Đảo. Hình dung sự thống khổ do viên Thuyền trưởng Bồ Đào Nha kể lại khi tàu ông ta đậu tại vịnh này, rằng phản loạn xảy ra, cả nước nước Việt Đàng Trong lâm vào vòng nội chiến, khiến nước này chịu thảm cảnh bi thương; ngăn chặn niềm hy vọng tìm được sự phục hồi mà chúng tôi cần đến. Do đó có nhiều sự khuyến cáo chúng tôi đến Macao [Quảng Đông, Trung Quốc] lập tức không chần chừ, còn hơn mong đợi không kết quả về nguồn cung cấp có thể có lời hứa hẹn, nhưng chúng tôi biết chắc rằng không thể đáp ứng.

Tình trạng khổ sở của tên đánh cá già, cùng quang cảnh tổng quát nơi này và những điều chúng tôi thấy, dường như có vẻ xác định nguồn tin không được chào đón của Thuyền trưởng người Bồ, Manuel Duomé. Ít dân bản xứ đến gần tàu, những người đến thì thái độ có vẻ rụt rè và nghi ngờ; khi chúng tôi lên bờ thì họ hình như muốn tránh. Không có đồ cung cấp nào có thể giúp cho sự phục hồi được mang lên tàu; khó khăn lắm chúng tôi mới tìm ra một vài gia cầm, ít trái cây và rau củ trên bờ. Ngày thứ hai thì chợ bầy hàng tốt hơn; rồi trong vài ngày tới khi dân bản xứ biết rằng hàng hóa có thể bán với giá hời họ muốn và thu nhiều tiền; thì gia súc, rau, trái cây được cung cấp dồi dào. Người đứng đầu nơi này bắt đầu xuất hiện, có vẻ như một viên chức dân sự, chú ý đến lời yêu cầu của chúng tôi. Họ còn lên thăm tàu; trong ngày thứ tư, thứ năm tuyên bố do sự thuận tiện, bữa cơm tối hàng ngày được tổ chức trên bờ, các vị này và Sĩ quan chọn lựa thuộc hạm đội tham dự.

Sự giao dịch giữa chúng tôi trở nên liên tục và thoải mái, xây đắp sự tin cậy lẫn nhau, dội ánh sáng về sự không đáng tin cậy ông bạn Manuel Duomé. Tay thương gia Bồ Đào Nha này, với tinh thần ghen tỵ con buôn, buông lời nghi ngờ dân nước Việt Đàng Trong, ngầm xui hạm đội Anh đến đó với thái độ cừ thù. Và dường như hẳn ta không chút đau buồn để nghĩ rằng trong trường hợp đó dân bản xứ sẽ đóng cửa không buôn bán với tàu Anh, sẽ xúi chúng tôi khởi hành mau, để lại vùng bờ biển cho chính họ!

Để giải thích tình cho trạng gây nên sự nghi ngờ kể trên, cần kể lại nội tình chia rẽ của nước này trong vòng 30 năm nay. Tôi không nghĩ rằng bản phác họa kể về lịch sử này sẽ được xem xét, ngay đối với ông Pinkerton, cho rằng không quan trọng và không thích.

Chú thích:

1. Sách Hải Quốc Văn Kiến Lục [海国闻见录] Trần Luân Quýnh [1687-1751]

xác nhận người Trung Quốc một đôi lần ở trên đảo.

2.Xin lưu ý, chữ trong ngoặc () là chú thích của tác giả Sir John Barrow; chữ trong ngoặc [] là chú thích ngắn của dịch giả.

2. A rebellion, and the murder of the king- Conquest of Tung Quin-Conduct of Chinese general.

(Cuộc nổi loạn và giết Vua-Chinh phục Đông Kinh-Hành vi của vị tướng Trung Quốc.)

Vào năm trị vì thứ 35, Tây lịch 1774, Chúa nước Việt Đàng Trong Caung-shung [Nguyễn Phúc Thuận] (1) bảy giờ 50 tuổi, thành lĩnh có cuộc nổi loạn tràn ngập thành phố Quin-nong [Qui Nhơn]. Đứng đầu cuộc nổi loạn bởi 3 anh em: Người anh trưởng tên là Yin-yac [Nguyễn Nhạc] là một tay buôn giàu có, buôn bán rộng rãi với người Trung Quốc và Nhật Bản; người em thứ hai là Long-niang [Nguyễn Huệ] (2) là một tướng lãnh cao cấp, bậc chỉ huy vĩ đại; người em thứ ba là một tu sĩ. Họ tạo nên một tình trạng nguy hiểm, kết nối bởi giàu có và quyền lực quân sự cùng ảnh hưởng trong lòng dân chúng. Nhưng về phía nhà Chúa thì chống cự yếu ớt bởi cơ chế bệnh hoạn và bản tính lười biếng, từ lâu ngại vàng chỉ dựa vào quyền thần mà phần lớn là hoạn quan. Ngoài ra hoàn cảnh lúc này có xu hướng thuận lợi cho lãnh tụ nổi dậy; sự áp đặt thuế khóa gây nên bất mãn trong lòng dân chúng. Bước đầu tiên chiếm được, là những dịp tịch thu tài sản của tay chân nhà Chúa, bảo đảm an ninh cho mọi thành viên gia đình hoàng gia, nhưng tất cả những kẻ rơi vào tay họ đều lập tức bị giết. Thành phố Sai gon [Sài Gòn]? (3) được cho là có lợi cho mục đích lật đổ chính quyền. Một đạo quân đến đó đánh, tường thành san bằng xuống đất, hơn 20.000 dân dùng gươm. Xét xử và hành quyết thi hành khắp mọi vùng đất nước, với tội giả vờ hoặc âm mưu thực chống lại kẻ bạo loạn. Những điều nêu trên, không có biện pháp nào chưa được thử nghiệm, không có dịp nào được bỏ qua và trở nên phổ biến. Những thương gia giải trí xa hoa, lễ hội, pháo hoa; tướng lãnh làm vui quân lính; nhà tu thắng thế Giáo sĩ tuyên bố sự bất cần của quần chúng; về sắc lệnh của tiên [tiên] sẽ truyền cho ba ngôi quý, thành nhà cai trị tương lai.

Bọn chúng sắp xếp phạm vi cầm quyền tương lai cho đất nước. Yin-yac [Nguyễn Nhạc] cai trị hai vùng Chang [Quảng] và Don Nai [Đồng Nai]; Long-niang [Nguyễn Huệ] cai trị Huế là nơi biên thùy với Đông Kinh; người em út là tu sĩ đứng đầu cả nước Việt Đàng Trong. Qua sự sắp xếp này Yin-yac [Nguyễn Nhạc] đã khôn khéo đẩy người em Long-niang [Nguyễn Huệ] vào giữa y và Đông Kinh, nước này lúc bấy giờ khá cường thịnh. Long-niang [Nguyễn Huệ] mới đặt chân đến kinh thành Huế, lại tìm dịp gây chuyện với Vua Đông Kinh, nước này triều cống Vua Trung Quốc. Vua nước này thực tế sắp xếp giống như người Trung Quốc, thiếu khả năng đương đầu với đạo quân có kỷ luật cao và dũng cảm của phe nổi loạn. Vua bỏ quân lính trong cuộc giao tranh đầu tiên, rồi chạy sang Bắc Kinh cầu xin sự giúp đỡ của Vua Trung

Quốc. Bấy giờ Vua Càn Long, Trung Quốc, mới thành công trong việc chinh phục Tây Tạng và đảo lớn Formosa [Đài Loan] tin rằng quân đội họ không thể chiến bại; với chút ít khó khăn, có thể đuổi quân phản loạn ra khỏi Đông Kinh, vẫn hồi pháp luật, lấy lại chủ quyền cho ngai vàng.

Với cách nhìn trên, ông ta ra lệnh cho Phó vương Can ton [Quảng Châu] lập tức dẫn 10.000 quân chinh phạt. Long-niang [Nguyễn Huệ] dựa vào thám báo biết được tất cả hoạt động của đạo quân này. Xác định được tuyến đường quân địch tiến, y chia đội ngũ cướp bóc phá hủy làng phố dọc con đường sẽ đi qua, khiến đất nước bị tiêu hủy. Đạo quân Trung Quốc trước khi đến được Đông Kinh, đau khổ vì thiếu lương thực, buộc phải rút lui.

Chỉ huy quân nổi loạn là tướng lĩnh giỏi hơn người bạn của chúng tôi, Foo Chang Yong [Phúc Khang An] (tôi đã gặp y tại triều đình Bắc Kinh) (4), người chỉ huy đạo quân Trung Quốc này. Y tiếp tục cho quấy rối tại phía sau khi quân Trung Quốc rút lui; ngoài ra cuộc hành quân thảm bại bởi một nhọc, đói khát; mất khoảng dưới 50.000 quân, tuy không đánh một trận tổng quát nào (5). Quân còn lại của Foo Chang Yong [Phúc Khang An] rút lui hàng trăm dặm trở về Can ton [Quảng Châu]; viên Phó vương này mất tiếng tăm và chắc chắn là sự ô nhục, y kết luận rằng bước khôn ngoan nhất là nên thương thảo với phe nổi loạn. Long niang [Nguyễn Huệ] ước tính cách ứng xử của kẻ chinh phục, bèn tuyên bố một cách hùng dũng rằng theo ước nguyện của trời và lòng dân đã lấy được ngai vàng Đông Kinh, quyết tâm duy trì quyền lực đến chỗ cực điểm cuối cùng; có 200 ngàn quân tại Đông Kinh và rất nhiều tại nước Việt Đàng Trong sẵn sàng hy sinh đến giọt máu cuối cùng. Tuyên bố thêm bây giờ ông ta không phải là Long niang [Nguyễn Huệ], kẻ nội loạn, vì đã dành được vương miện, niên hiệu là Quang Tung [Quang Trung], Vua hai nước Đông Kinh và Việt Đàng Trong.

Viên Phó vương Quảng Châu kém chuẩn bị chống lại luận điệu đề cao của kẻ phản loạn, nhưng không để thời gian mất đi vì sự cân nhắc. Foo Chang Yong [Phúc Khang An] là một quân nhân tồi, bởi không đủ can đảm và tài ba về quân sự; nhưng y là tay đầy khôn ngoan. Tài sản và danh vọng của y đang bị đe dọa, y bèn xuống nước để chơi một ván bài tuyệt vọng. Y gửi sứ giả đến kinh thành Bắc Kinh phúc trình với nhà Vua về thành công tuyệt vời của chiến dịch, sau khi kể lại một vài trận đánh chưa hề xảy ra, chứng tỏ quân đội của Hoàng đế luôn được biểu thị là chiến thắng. Rồi làm chứng cho sự dũng cảm của kẻ thù; giả bộ công bằng, hợp lý trong việc nên trao vương miện mà Vua cũ [Chiêu Thống] đã từ bỏ, cho đối thủ phẩm chất xứng đáng hơn và được sự kính trọng mà mọi người dành cho y. Tóm lại, y đã đưa ra ý kiến rằng nên mời Quan-tung [Quang Trung] đến triều đình Bắc Kinh để như thường lệ y tỏ lòng tôn kính. Để

trừng phạt Vua cũ giữ ngai vàng tại Đông Kinh [Chiêu Thống], đề nghị cùng lúc bắt làm quan nhỏ trong một tỉnh tại Trung Quốc để bồi thường cho việc mất Đông Kinh.

Triều đình nhà Thanh chấp nhận lời đề nghị của Phó vương. Vua chạy trốn Đông Kinh số phận cũng giống như trường hợp Federigo of Naples (6), khi Vua Louis nước Pháp tạo ra Duke of Anjou; phải từ bỏ vương miện, nhận chức quan nhỏ của Trung Quốc. Sau khi triều đình gửi văn thư mời Quang-tung [Quang Trung] đến Bắc Kinh; tuy nhiên tướng Quang-tung cảnh giác nghĩ rằng có thể là trò lừa của viên Phó vương mưu bắt ông ta; đương nhiên không tin viên tướng đã bị đánh bại nhục nhã, vẫn còn ngờ mưu mô y đeo đuổi. Nhưng sau khi tham khảo với một trong những viên tướng tin cậy, họ đồng ý rằng viên tướng này sẽ đi sang kinh đô Trung Quốc, giả bộ là Vua Tung-quin [Đông Kinh] và Cochinchina [nước Việt Đàng Trong]. Ông ta nhận được danh dự xứng đáng tại sân đình Bắc Kinh, ban cho quà tặng, xác nhận là Vương Tung-quin [Đông Kinh] và Cochinchina [Việt Đàng Trong], trong tương lai được triều cống Vua Trung Quốc. Khi Vua giả trở về Huế, Quang-tung [Quang Trung] cảm thấy bối rối lớn cho việc phải làm sau này; nhưng biết rằng vụ việc không thể giữ bí mật vì có nhiều người chứng kiến, nên ông ta bày chuyện để giết người bạn và đồng bọn; đó là biện pháp duy nhất và chắc chắn để ngăn cấm trò lừa ông ta đã chơi hoàn toàn thành công, khỏi bị Vua Trung Quốc khám phá; sự việc xảy ra vào năm 1779 [chép sai năm, sự kiện thực sự xảy ra vào năm 1790].

Đối với những người quen với nhân vật Trung Quốc và cách làm việc của nhà nước này có chút ít ngạc nhiên rằng một vị chỉ huy quân đội có thể chuyển đến triều đình tối cao Bắc Kinh những báo cáo sai về tiền quân. Tại đây cơ hội có lợi cho sự giả dối thoát khỏi sự phát hiện; công trạng quân sự không có cách đo lường nào khác ngoài sự thành công; và hậu quả của một sự đảo ngược được xác định trên sợi dây cung; sự thật khó có thể được mong đợi đưa ra từ ngòi bút của người phải kể câu chuyện về thảm họa của chính mình. Vô ích khi Kien-lung [Càn Long] và Kia-king? thỉnh thoảng tuyên bố trừng phạt những tướng lãnh báo cáo láo những chiến trận chưa thực sự đánh, những chiến thắng chưa bao giờ thu hoạch được. Tòa án quân sự tại Bắc Kinh lúc bấy giờ xa xôi không nhận được sự thực, cũng như là tiền nhân họ 2000 năm về trước. Hèn chi Foo Chang Yong [Phúc Khang An] ở nơi xa cách 2.000 dặm, một quốc gia hoang dã ít thường xuyên lui tới; đã đặt điều với triều đình và sự lừa dối không bị phanh phui!

Chú thích:

1. Tác giả nhầm năm trị vì của Chúa Nguyễn Phúc Thuần với Vua Lê Hiển Tông miền Bắc. Vào năm 1774, Lê Hiển Tông trị vì 35 năm, riêng Chúa Nguyễn Phúc Thuần lên ngôi năm 1765, bấy giờ mới được 9 năm.

2. Theo chính sử, Nguyễn Lữ là em thứ hai, Nguyễn Huệ là em thứ ba.

3. Theo chính sử, thành phố phe nổi dậy đầu tiên chiếm được là Qui Nhơn.

4. Theo chính sử, Tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị mang quân sang đánh An Nam, còn Foo Chang Yong [Phúc Khang An] thay chức sau khi Tôn Sĩ Nghị thua. Tác giả Sir John Barrow tiết lộ đã gặp Phúc Khang An tại Bắc Kinh năm 1793.

5. So với chính sử đoạn này ghi thiếu chính xác, không đề cập đến chiến thắng của Vua Quang Trung tại thành Thăng Long.

6. Federigo of Naples: là vị Vua cuối cùng của Naples, trị vì từ năm 1496 đến năm 1501.

3. Safety of the young Prince of the Cochinchina-His adventure-Bishop D'Adran carries the King's son to Paris-Treaty between him and Louis 16-Preparations for carrying the treaty into effect-De fettered by Madame de Vienne-Return of the legitimate king to Cochinchina

*(An toàn cho Hoàng tử trẻ nước Việt Đàng Trong -Cuộc
mạo hiểm của đức cha Bá Đa Lộc [百多祿] mang con trai Vương đến
Paris-Hiệp ước giữa Nguyễn Vương và Louis 16-Chuẩn bị thi hành hiệp
ước cho hiệu quả-Hiệp ước thất bại bởi Madame de Vienne-Vị Vương
hợp pháp trở về nước Việt Đàng Trong)*

Thời gian nội loạn tại nước Việt Đàng Trong, ba anh em [nhà Tây Sơn] gây cho Chúa Nguyễn; khiến một phần gia đình Hoàng gia và bộ thuộc rơi vào tay chúng, đều bị giết. Bấy giờ có một nhà truyền giáo người Pháp tên là Adran [Bá Đa Lộc] ngụ tại triều đình, người mà những thông tin khác nhau chép trong sách **Lettres edifiantes et curieuses** gọi ông ta là Apostolic Vica (1) of Cochichina. Nhà truyền giáo này có tình thân keo sơn với gia đình Hoàng gia, về phía Hoàng gia cũng rất kính trọng ngài. Thay vì đàn áp nhóm người theo đạo Thiên chúa nhỏ do nhà truyền giáo gây dựng trong nước, vị Chúa này đã bảo vệ họ; và ông không lo lắng nhiều về mối nguy hiểm từ một người theo một tôn giáo khác với tôn giáo của mình; nên ông không ngần ngại giao con trai duy nhất và cũng là người thừa kế ngài vàng của mình cho nhà truyền giáo kèm cặp. Về phía Giáo sĩ Bá Đa Lộc trong giai đoạn đầu tiên của cuộc nổi loạn, thấy rằng mối hy vọng an toàn cho ông ta và con chiên là phải bỏ chạy. Chúa [Nguyễn Phúc Thuần] đã vào trong tay quân nổi loạn, còn Hoàng hậu, Chúa trẻ [Nguyễn Phúc Ánh], vợ, con nhỏ, một người chị, nhờ sự giúp đỡ của Giáo sĩ Bá Đa Lộc, được trốn thoát. Lợi dụng bóng đêm, họ chạy

ra khỏi kinh thành tương đối xa, rồi trốn trong rừng. Sống tại đây trong vài tháng, vị Chúa trẻ giống như Vua Charles nước Anh, dẫu mình và tàn dư gia đình bất hạnh, không phải dưới gốc cây sồi [oak] (2), mà dưới gốc cây đa lớn, được đứng thiêng liêng sắp xếp ước lượng an toàn. Trong hoàn cảnh này họ nhận được sự nuôi dưỡng hàng ngày từ tay một Giáo sĩ Thiên Chúa tên Paul, người đã liệu mình mang đồ ăn, cho đến khi cuộc lục soát không còn tiếp tục, quân lính rút đi.

Ngay sau khi quân địch bỏ đi, kẻ chạy trốn thiếu may mắn tìm cách về Sai-gong [Sài Gòn]; tại đây dân chúng đổ xô tôn phù chủ quyền hợp pháp, gán vương miện cho Chúa trẻ [Nguyễn Phúc Ánh], dùng tên của người cha là Caung-shung [đúng hơn là Nguyễn Phúc Thuần, tên của người chú]. Điều xảy ra lúc này tại Sài gòn có một đạo thủy quân do người Pháp, Manuel, chỉ huy, cùng 7 thương gia Portugeze [Bồ Đào Nha] và một số đáng kể thuyền buồm và thuyền chèo. Nhờ cố vấn của Giáo sĩ Adran [Bá Đa Lộc], mua được một hạm đội, trang bị người và dụng cụ trong thời gian ngắn, với mục đích làm cuộc tấn công bất ngờ vào hạm đội quân nổi loạn, bấy giờ yên trí không ngờ xảy ra, đóng tại hải cảng Quin-nong [Qui Nhơn]. Gió mùa thuận lợi cho chiến dịch, họ tiến vào vịnh chỗ hạm đội quân địch đang thả neo lặng lẽ. Nhưng rồi báo động nổi lên, quân địch hành động ngay. Số phận hai bên chưa ngã ngũ; cho đến khi tàu Pháp, do người Pháp kể lại, chiến đấu rất tốt nhưng bị mắc cạn; chỉ huy 7 chiếc tàu Portugeze [Bồ Đào Nha] bỏ chạy, mang tàu đến Ma Cao [Quảng Đông]. Chúa trẻ [Nguyễn Vương Phúc Ánh] tỏ ra bình tĩnh và can trường, nhưng thế lực địch quá lớn bắt buộc phải tẩu thoát bằng cách vội vã rút lui.

Cuộc tấn công này xét ra có một phần hạm đội của Yin-yac [Nguyễn Nhạc] bị hư hoặc thiêu hủy, những không đáp ứng được mục tiêu; chỉ đẩy lên sự chú ý của quân địch tại phương nam nước này. Caung-shung [Nguyễn Vương Phúc Ánh] thực sự sợ không trở về được Don-nai [Đồng Nai] vì gió mùa ngược chiều; trong khi thám báo cho biết đạo quân lớn của địch đang đuổi theo. Khi biết được sự chống cự trở nên vô vọng, Nguyễn Vương quyết định rời bỏ đất nước. Sau khi thu thập một phần gia đình còn lại, cùng với một số người trung thành, họ khởi hành từ sông Sai-gong [Sài Gòn] ra biển an toàn, đến một hòn đảo không người ở gọi là Pulo Wai [Cambodia] tại vịnh Siam [Thái Lan]. Tại đây, dần dần 1.200 dân gia nhập, sẵn sàng chiến đấu. Khi phe nổi loạn khám phá được chỗ Vương rút lui, quyết định đem quân đến đánh; Vương biết được ý định của địch, xử sự thận trọng bằng cách đi sang Xiêm, nhờ sự bảo vệ của Vua nước

này, hơn là ngồi bó tay tại hòn đảo thiếu phòng thủ, thì sự tiêu diệt sẽ đến cho chính ông và bộ thuộc.

Bấy giờ Vua Xiêm đang giao tranh với Braamans [Miến Điện], lúc này nước Miến tiếp tục chiến thắng và xâm phạm một ít lãnh thổ. Caung-shung [Nguyễn Vương Phúc Ánh] vốn cao kiến, từ bỏ thái độ khúm núm không hành động chỉ dựa vào sự hào phóng của Vua Xiêm; bèn tình nguyện đi đánh giặc, dẫn đầu đạo quân thiện chiến 1.000 người. Vua Xiêm chấp nhận. Nhờ thu lượm được kiến thức về chiến thuật Âu Châu, do các thừa sai truyền cho, lần đầu tiên Nguyễn Vương đem thực hành. Thay vì nguy hiểm đánh vào chính diện, Vương chọn đánh bất ngờ một vài vị trí, dẹp chướng ngại vật, tiêu diệt chúng tại đơn vị lẻ; nói tóm tắt, sử dụng phép điều động không ngờ với người Miến, bắt buộc chúng phải giảng hòa theo điều kiện của Vương. Sau khi chiến thắng trở về kinh đô Xiêm, nhận được sự vui mừng và lòng tử tế của công chúng; riêng Vua Xiêm tặng Vương quà gồm vàng, bạc, và đá quý.

Trong thời gian Nguyễn Vương vắng mặt vì chinh chiến; Vua Xiêm đã yêu cầu mẹ Vương cho một người chị làm tỳ thiếp, lời yêu cầu bị bà ta khinh bỉ từ chối. Nhưng đang say mê vẻ đẹp của cô ấy, Vua Xiêm quyết định chiếm cho được với mọi giá; với mục đích này ông ta đề nghị chia ngai vàng, nhưng vẫn bị từ chối. Đến lượt Vua Xiêm cảm thấy bị xúc phạm, bèn khiển trách Hoàng tử di cư, tỏ ra ruồng bỏ, do đó ông ta và gia đình không được đánh giá cao; hai Vương gia vì việc này đâm ra cãi cọ. Và điều khác có khả năng hơn, là các tướng lĩnh Xiêm ghen tị với Hoàng tử di cư, âm mưu thủ tiêu ngài; sự ghen tức đó cũng nằm trong tâm Vua Xiêm. Nhận thấy trận bão dậy lên chống ngài, Nguyễn Vương đem sự việc kể cho đám tùy tùng thân tín; họ khuyên ngài lập tức bỏ triều đình Xiêm, nếu chần chừ một đêm có thể nguy hiểm tính mệnh cho ngài. Rồi họ tính toán quyết định khởi hành vào chiều tối; với kiếm trong tay, đến bến cảng gần nhất, chiếm thuyền, lái thẳng đến đảo không người Pulo Wai [Cambodia]. Với số người đồng tâm từ nước Việt Đàng Trong và số người theo tại Xiêm tổng cộng lên đến 1500, chính Nguyễn vương và gia đình tiên phong trong đạo quân nhỏ, tấn công bằng vũ lực từ thủ đô Xiêm, vượt qua tất cả những kẻ ngăn cản, chiếm thuyền Xiêm và thuyền buồm Mã Lai đậu tại bến cảng, rong ruổi ra biển, đến an toàn tại đảo Pulo Wai [Cambodia]. Với súng và vũ khí lấy được trên thuyền, Nguyễn Vương củng cố nơi này, nhắm chống lại quân Vua Xiêm hoặc quân phe bạo loạn tại nước Việt Đàng Trong.

Adran [Bá Đa Lộc] trước đó mấy lần đi từ Xiêm đến các tỉnh miền nam nước Việt Đàng Trong nhắm thức tỉnh tình cảm dân chúng đối hoàng triều hợp pháp, thấy họ vẫn trung

thành với người mình yêu thích và bất mãn tràn ngập đối với kẻ cướp ngôi. Ông ta hình thành chương trình xin Vua nước Pháp Louis thứ 16 giúp đỡ, nhằm đưa dòng hợp pháp lên ngai vàng; với những điều khoản mà bản thân ông không phản đối và cuối cùng có lợi lớn cho nước Pháp. Với quan điểm này, ông ta lên thuyền đi tìm vị Vương di cư [Nguyễn Vương Phúc Ánh]; trong một lá thư từ Podicherry [Ấn Độ] ông viết:

“Tôi gặp vị Vương thiếu may mắn này trong hoàn cảnh rất cơ cực, cùng một số ít bạn trung thành sống trên một trong những đảo nhỏ tại vịnh Xiêm La, gần ngã ba đến quốc vương Cambodia; quân lính ông đang sống bằng rễ cây đào dưới đất.”

Dường như, ở đây Vương đã giao phó cho nhà truyền giáo chăm sóc con trai cả của mình; tha thiết cầu xin nhà truyền giáo trong trường hợp có bất kỳ tai nạn nào xảy ra với chính ngài, vẫn tiếp tục đưa lời khuyên và giúp đỡ con trai ngài như một người cha và một người bạn, và dạy cho y không quên mục tiêu thống trị ngai vàng hợp pháp, mà cha y đã bị tước đoạt vì bạo loạn.

Adran [Bá Đa Lộc] tỏ ra hài lòng Vương về vấn đề này, bèn cùng con Vương từ biệt, đáp thuyền đi Podicherry [Ấn Độ], rồi từ đó đi tàu Âu Châu đến Paris vào năm 1787. Tại đây Hoàng tử nhỏ tuổi trình diện tại sân đình, được chú ý và kính trọng; và chương trình của vị thừa sai được chấp thuận cao đến nỗi chỉ trong vài tháng một hiệp ước được soạn thảo xong xuôi giữa Vua Louis 16 và Vương nước Việt Đàng Trong và được ký tại Versailles giữa Comtes de Vergennes và Montmorin thay mặt Vua nước Pháp, và Hoàng tử trẻ tuổi thay mặt Vương nước Việt Đàng Trong. Sau đây là những điều khoản chính của hiệp ước đặc biệt này, mà tôi tin rằng lần đầu tiên được công bố:

1.Sẽ có một liên minh tấn công và phòng thủ giữa hai nhà vua Pháp quốc và nước Việt Đàng Trong, bằng cách đó họ thỏa thuận sẽ cung cấp cho nhau sự hỗ trợ để chống lại tất cả những kẻ có thể gây chiến với một trong hai bên ký kết.

2.Để hoàn thành mục tiêu này, sẽ được đặt dưới quyền chỉ huy của Vương nước Việt Đàng Trong một hạm đội gồm 20 thuyền chiến của Pháp, với kích cỡ và hỏa lực phù hợp với nhu cầu công việc của Vương.

3.Năm trung đoàn lính châu Âu và hai trung đoàn lính thuộc địa sẽ được gửi ngay lập tức đến Vương nước Việt Đàng Trong .

4. Vua Louis XVI cam kết trong vòng bốn tháng sẽ cung cấp một khoản tiền 1 triệu đô la, trong đó 500.000 bằng tiền mặt, số còn lại bằng diêm sinh, đại bác, súng trường và những thiết bị quân sự khác.

5. Kể từ khi binh lính Pháp đặt chân lên lãnh thổ của Vương nước Việt Đàng Trong, họ và các tướng lĩnh bộ binh và hải quân sẽ nhận lệnh của Vương nước Việt Đàng Trong. Để đạt được mục đích này, các sĩ quan chỉ huy sẽ được cung cấp chỉ thị từ bề trên Thiên Chúa giáo để tuân thủ mọi việc và mọi nơi, ý muốn của đồng minh mới.

Mặt khác:

1. Vương nước Việt Đàng Trong cam kết ngay sau khi vương quốc được ổn định, sẽ cung cấp tất cả những thứ cần thiết về trang thiết bị, lương thực, để hạ thủy 14 tàu chiến, khi có yêu cầu của sứ giả Vua nước Pháp; và để thực hiện tốt mục tiêu này, một nhóm sĩ quan và hạ sĩ quan hải quân sẽ được gọi từ châu Âu đến để xây dựng một cơ sở thường trực ở nước Việt Đàng Trong.

2. Hoàng thượng Louis 16 sẽ cử các lãnh sự thường trú tại các địa điểm ven bờ biển nước Việt Đàng Trong, ở những nơi mà Hoàng thượng thấy cần thiết. Các lãnh sự này sẽ được cấp đặc quyền đóng, hoặc nhờ người khác đóng các tàu, khu trục hạm và các loại phương tiện khác mà triều đình xứ Đàng Trong không được ngăn cản vì bất cứ duyên cớ gì.

3. Sứ giả của vua Louis 16 tại triều đình nước Việt Đàng Trong sẽ được cấp phép khai thác gỗ ở mọi khu rừng nào mà họ tìm được gỗ thích hợp cho việc đóng chiến hạm, khu trục các loại.

4. Vương nước Việt Đàng Trong và hội đồng vương quốc của ngài sẽ nhượng vĩnh viễn cho Hoàng thượng vô cùng mộ đạo, và những người kế tục vương nghiệp của ngài, hải cảng và vùng đất Han-san (vịnh Turon [Đà Nẵng] và bán đảo) và các đảo lân cận từ *Faifo* [Hội An] ở phía Nam đến *Hai-wen* [Hải Vân] ở phía Bắc.

5. Vương nước Việt Đàng Trong cam kết cung cấp người và vật tư cần thiết cho việc xây dựng các đồn lũy, cầu cống, đường xá, bồn chứa nước, vv. những thứ được cho là cần thiết trong việc bảo đảm an ninh và phòng thủ những nhượng địa dành cho đồng minh đáng tin cậy của ngài, tức vua nước Pháp.

6. Trong trường hợp dân bản xứ bất cứ lúc nào không muốn ở lại trên phần nhượng địa, họ cũng sẽ có quyền tự do ra đi, giá trị tài sản mà họ để lại sẽ được đền bù. Luật lệ dân sự cũng như hình sự sẽ không thay đổi; mọi ý kiến tín ngưỡng sẽ được tự do; thuế khóa sẽ

do người Pháp thu gom theo thông lệ nước này; và nhân viên thu thuế sẽ được cùng chỉ định bởi sứ giả Pháp và Vương nước Việt Đàng Trong; nhưng Vương sẽ không đòi hỏi phần nào trên tiền thuế thu được, nó sẽ thuộc về đức Vua rất mộ đạo Thiên Chúa để trang trải những chi phí ở nhượng địa.

7. Trong trường hợp mà đức Vua rất mộ đạo Thiên Chúa quyết định tham chiến ở nơi nào đó thuộc Ấn Độ, viên chỉ huy quân đội Pháp sẽ được phép tuyển 14.000 quân, và ông ta sẽ cho tập luyện theo cách như ở Pháp, và đào tạo họ theo kỹ luật quân đội Pháp.

8. Trong trường hợp một số cường quốc tấn công người Pháp trên lãnh thổ nước Việt Đàng Trong, Vương nước Việt Đàng Trong sẽ cung cấp 60.000 lính lục quân hoặc nhiều hơn, do Vương nước Việt Đàng Trong cung cấp áo quần và lương thực, vv...

Ngoài các điều khoản này, hiệp ước còn chứa vài điều khoản khác ít quan trọng hơn, nhưng người ta có thể tin rằng tất cả các điều khoản đều rất có lợi cho Pháp. Adran [Bá Đa Lộc] được thăng chức Giám mục, với nhiệm vụ Giám mục xứ nước Việt Đàng Trong và được chỉ định làm Đại sứ đặc biệt toàn quyền của triều đình. Chỉ huy đạo quân định khởi hành cuộc viễn chinh dưới sự quản lý và chỉ đạo duy nhất của Giám mục, có nghĩa là được trao cho M. Custin hoặc M. De Frêne lo toan. Giám mục mong muốn Conway, Thống đốc Podicherry [thuộc Ấn Độ] làm chỉ huy; nhưng Vua Louis dường như rất ghét vị sĩ quan này, theo ông ta Conway là kẻ vô đạo đức, không theo nguyên tắc, kiêu hãnh, một người đàn ông ám ảnh bồn chồn. Hãy quan sát lời vị Vua tốt này:

“Ngài Adran [Bá Đa Lộc], ngài tự làm khổ mình, dẫn đến có lợi cho Conway. Hãy tin tôi, y sẽ gây cho ngài nhiều sự khó chịu làm hỏng cách nhìn về cuộc hành trình. Tôi đã đưa y làm Thống đốc tại India vì chỉ muốn ngăn y âm mưu tại đây và gây cho vấn đề trở nên hỗn loạn. Tôi biết rằng em y, chính y, và Dillon không chịu để yên ổn phút chốc nào. Y có thể là một quân nhân tốt, đủ sức để đóng tại Podicherry; nhưng không thể tin khi đứng đầu quân đội. Nhưng vì lợi ích của ngài, sẽ ban cho y ‘red ribbon’ [ruy băng đỏ], và cấp bậc Thiếu tướng.”

Vấn đề cho đến nay đã được kết luận tại Paris; vị Giám mục với bản hiệp ước trong túi áo, Hoàng tử do ông chăm sóc, hàng hành đến Podicherry [thuộc Ấn Độ], trên chiếc tàu khu trục Meduce, với trách nhiệm Đại sứ toàn quyền của Vua Louis đến gặp Vương nước Việt Đàng Trong. Ông ta viếng thăm Isle of France [Mauritius, Ấn Độ Dương], ông tìm được một tàu thủy với 15 khẩu súng, 7 khu trục, và vài tàu vận tải. Ông cũng tìm thấy một số quân lính sẵn sàng trên đảo và Bourbon, số lượng khoảng bốn hoặc năm ngàn người. Tàu được lệnh trang

bị đầy đủ với khả năng điều động và quân lính sẵn sàng lên tàu. Thời điểm một chiếc thuyền cổ vãn sẽ đến từ Pondicherry, mà ông dự định sẽ phái đi, khi nó đến thì lệnh có hiệu lực.

Vào thời gian Giám mục đến Pondicherry vào năm 1789, chuyện xảy ra liên quan đến một người đẹp nổi tiếng tên là Madame de Vienne, vợ viên Trợ lý tướng Conway, và là tình nhân của vị tướng này. Giám mục vốn kính trọng tất cả những phụ nữ nổi bật ở khu định cư, nên người ta gợi ý cho ngài phải đến thăm nàng. Ngài không những từ chối mà lại tỏ ra vô cùng phẫn nộ với việc nàng thân mật với vị tướng. Nhân dịp này ngài sử dụng nhiều từ ngữ nặng nề, lên án một cách nghiêm khắc hành vi gây tai tiếng của cả vị tướng và tình nhân. Những lời này, được người thân thiết với Madame de Vienne kể lại cho nàng nghe. Tức giận khi nghe những lời nhận xét, nàng cho là vô lễ; nên quyết định trả thù ngay. Madame de Vienne có được sự ảnh hưởng tuyệt đối đối với tướng Conway. Trong một buổi họp lớn, nàng đã nhân cơ hội này chế giễu dãi ruy băng đỏ [do Giám mục đưa cho tướng Conway], nàng coi đó như một món đồ trang sức được tặng làm trò tiêu khiển hài hước vui vẻ, chứ không phải là sự tôn trọng đối với công lao của vị tướng lãnh này. Nàng tỏ vẻ khinh miệt cấp bậc Conway được thăng, và gọi đó là quân đội Giáo Hoàng, dưới quyền một Giám mục. Nói tóm lại người đẹp giận dữ rất giỏi lung lạc tâm tình tướng Conway, nàng thành công dùng quan điểm của mình chinh phục người tình, khiến ông ta tạm thời đình chỉ bước tiến cuộc viễn chinh. Để đạt mục đích này, ông ta điều một chiếc tàu tốc độ nhanh đến Mauritius, với mệnh lệnh đình chỉ cấp binh khí, chờ khi có lệnh khác từ tòa tại Versailles. Rồi vào lúc này, cuộc cách mạng bùng nổ tại nước Pháp, chấm dứt hoàn toàn mọi sự tiến triển của chương trình. Nếu biến cố này không xảy ra, khó có thể bảo kết quả ra sao về hiệp ước chúng ta chiếm giữ ở Ấn Độ và việc buôn bán của Công Ty Đông Ấn tại Trung Quốc (3); nhưng có đủ bằng chứng rằng nó chống lại sự phá hủy của cả hai.

Hoàn cảnh bất lợi chấm dứt cuộc viễn chinh; nhưng không ngăn chặn nổi ý định đức Giám mục theo đuổi chương trình tái thiết lập một chính phủ Hoàng gia hợp pháp tại nước Việt Đàng Trong nếu vị Vương này còn sống; hoặc vị Hoàng tử trẻ tuổi lên ngôi báu của tổ tiên, nếu người cha đã mất. Ông ta đã đưa vị Hoàng tử này đến thăm một vài cơ quan tại Pháp, và họ đã hẹn nhau ở vùng đất mới. Một ít người này là kẻ tình nguyện, cùng đức Giám mục và Hoàng tử trẻ khởi hành trên chiếc tàu buôn đến Cap St. Jacques [Vũng Tàu], tại cửa con sông dẫn đến Sai-gon [Sài Gòn], nơi này họ hy vọng có thể gặp được thám báo của Nguyễn Vương.

Chú thích:

- 1.Apostolic Vica: Nhà tu đứng đầu phái bộ truyền giáo.
- 2.Vua Charles nước Anh trốn dưới gốc cây sồi vào năm 1651.
- 3.Công ty Đông Ấn do Anh thiết lập năm 1600 và giải thể năm 1874 buôn bán tại vùng Ấn độ Dương và nam Á Châu.

4. Return of the legitimate king to Cochinchina-His Warrious successes over the usurpers-

(Vị Vương hợp pháp trở về nước Việt Đàng Trong -Quân của ngài thành công dẹp bạo loạn)

Tại Cap St. Jacques [Vũng Tàu] Giám mục biết rằng sau khi bọn ông khởi hành đi Pondicherry [Ấn Độ], vị quân vương thiếu may mắn phải tiếp tục sống gần 2 năm trên đảo Pulo Wai [Cambodia], cùng bộ hạ chia sẻ rễ cây rừng. Còn hai anh em phe nổi loạn thì đấu khẩu và cãi vã liên miên; nên những thần dân trung thành xin ngài có mặt tại Don-nai [Đồng Nai], lời khẩn khoản khiến ngài được thuyết phục mạo hiểm một lần nữa, đổ bộ vào lãnh địa cũ. Với mọi người trên dưới nhiệt tình đổ xô, Nguyễn Vương tiến quân một mạch đến Sai-gong [Sài Gòn]. Việc phòng thủ thành này lập tức tăng cường, mọi việc nằm trong vòng trật tự. Thời thế lúc ngài đổ bộ đặc biệt thuận lợi, hai anh em phe nổi loạn đóng chặt cửa thành, chuẩn bị đánh nhau. Tin tức thuận lợi này thúc đẩy Giám mục, Hoàng tử tiến bước, họ gặp Nguyễn Vương vào năm 1790 (1). Bọn họ có một tàu nhỏ đi theo dùng để chở vũ khí, đạn dược; nhưng viên hạm trưởng Richerie bị kết tội đã bán một phần lớn hàng tại Malacca [Mã Lai] để tiêu riêng.

Cuộc gặp gỡ giữa Nguyễn Vương, con ngài và thầy dạy [Giám mục] vui mừng không diễn tả nổi ! Không để phí thời gian, họ xếp đặt chương trình chiến đấu mạnh mẽ với phe nổi loạn. Phần lớn của năm thứ nhất chiếm đóng là củng cố Sài Gòn, chiêu mộ và huấn luyện quân lính vào kỷ luật; thu thập trang bị một hạm đội.

Vào năm 1791(2), Quang Trung mất tại Huế, người con trai 12 tuổi nối ngôi, cai trị Đông Kinh và phía bắc nước Việt Đàng Trong. Sự việc xảy ra khiến Caung-shung [Nguyễn Vương Phúc Ánh] dường như thấy cần phải hợp pháp triển khai triều đại cho cả nước, bèn khởi sự hành quân đánh Yin-yac [Nguyễn Nhạc]. Riêng Yin-yac vốn ghét người em, nên không muốn cho người cháu tại Huế giữ vị trí cũ. Sự việc Vua Trung Quốc phê chuẩn cho cha y làm Vua Đông Kinh là nguyên nhân đầu tiên hận thù giữa hai anh em. Nhưng tất cả những trận đánh với người cháu, Yin-yac thua tồi tệ, mất nhiều đất. Không còn cách gì hơn, Yin-yac đành phải giảng

hòa với Vua trẻ tuổi Đông Kinh. Với ý kiến rút ra từ kinh nghiệm, đức Giám mục ra sức thúc dục tấn công lập tức vào hạm đội của Yin-yac tại hải cảng Quin-nong [Qui Nhơn]; và lực lượng bộ cũng xét đến, về phương diện số lượng và kỹ thuật có thể đánh bất cứ đạo quân nào lăm le từ trong nội địa. Nguyễn Vương có một vài tàu, còn quân phản loạn thì rất đông, nhưng nằm im trong cảng vì trái với gió mùa. Quân Nguyễn Vương thuận gió, khởi hành vào mùa xuân năm 1792, giao tất cả hạm đội dưới quyền chỉ huy của 2 Sĩ quan người Pháp, họ chỉ huy 2 tàu Pháp, trực chỉ đến Quin-nong [Qui Nhơn]. Ông D'Ayot nói rằng thuyền của họ trên đường tiến quân đã tàn phá hết thuyền đối phương; hoặc đốt, đánh chìm hoặc phá hủy; riêng thuyền ông tiến quá sâu, vị mắc cạn. Nguyễn Vương sau khi quan sát tai nạn xảy ra có lời nhận xét rằng mặc dù có sự tổn thất, nhưng ngài vui mừng vì chiếc tàu đã giúp ông thi thố khả năng, cũng như ông D'Ayot *“Ông ta đã có sự đóng góp, mà tôi không thể mong đợi gì hơn.”*

Cuộc tấn công hầu như hoàn toàn bất ngờ đối với Yin-yac [Nguyễn Nhạc]; bấy giờ ông ta và các quan trong triều mãi vui thú săn bắn, đi sâu trong rừng khoảng 30 dặm [dặm Anh=1.6 km.]. Tham dự cuộc vui này không phải chỉ có một ít cận thần, số lượng phần lớn là quân lính, tương đương với một đạo quân nhỏ. Họ bao vây một khu rừng rậm, làm cho thú vật kinh sợ nhảy chồm lên; phần nhiều là voi lớn, cọp hung dữ, trâu rừng; rồi xiết chặt vòng vây hẹp lại, cho tụ lại tại một lỗ, dùng giáo đâm, hoặc bắt đem về. Báo động có địch truyền đến đám đông vui săn, tại bờ biển quân tuy thành hàng, nhưng yểm trợ ít cho hạm đội, khiến hầu như bị tiêu diệt.

Trong một chốc nước lên, tàu của D'Ayot nổi trở lại; Nguyễn Vương ra lệnh rút lui. Thấy một ít thuyền buồm của quân nổi loạn còn lại nằm tại góc phía trên hải cảng, nhưng Nguyễn Vương cũng không muốn tiêu diệt thêm và mãi mai báo:

“Khi Nguyễn Nhạc hết thích săn bắn, hẳn ta lại nuốn đi câu làm vui. Không cần tước đoạt hết thuyền kia, để cho y làm một nghề vô hại.”

Vào mùa xuân năm sau (1793) khi hạm đội Anh trên đường đi Trung Quốc (3), đã từng đến đậu tại vịnh Turon [Tourane, Đà Nẵng]. Vào lúc này toàn bộ đất Don-nai [Đồng Nai] do chính quyền hợp pháp [Nguyễn Vương] nắm giữ. Chang [Bình định, Quảng], phần giữa nước này do phản loạn Yin-yac [Nguyễn Nhạc] chiếm; và Hué [Huế], phần còn lại nước, và các đảo gần Turon [Tourane, Đà Nẵng] đều cai trị bởi con Quan-tung [Nguyễn Quang Toản], tên nhỏ tuổi đã đề cập ở trên, đặt triều đình tại Hué. Tuy nhiên chẳng chút ngạc nhiên chúng tôi đã chứng kiến lúc tàu hiện diện tại nơi này đã gây nên một ít báo động và tình trạng thiếu tin cậy. Vì trước

đó ông bạn người Bồ Đào Nha Manuel Duomé đã cho biết, bằng nỗ lực buôn lời dèm pha có lợi cho y, để y không bị ngăn cản trong việc buôn bán độc quyền chiếm lợi nhuận trong vài lần giao dịch với dân bản xứ. Những điều này và sự kiện xuất hiện sau đó giúp kết luận ngay rằng chúng tôi đang phục vụ cho quốc vương hợp pháp, chúng tôi nên đến Sai-gong thương lượng chiếm hữu Turon [Tourane, Đà Nẵng]. Và thực sự tại đây lúc bấy giờ họ [phe Nguyễn Quang Toản] đang tập trung một lực lượng quân đáng kể có cả voi trận, tại vùng phụ cận; hiện tượng này kéo dài không chỉ một vài ngày mới biến mất.

Nhưng trước khi tiếp tục trình bày sự giao dịch của chúng tôi tại nước này, hoặc cách cư xử và bề ngoài của dân tại đây; tôi xin kể tiếp về sự tiến triển Vương Caung-shung [Nguyễn Vương Phúc Ánh] giành được trong công cuộc giải phóng cho vương triều. Và xin chọn lọc từ những tài liệu tôi thu thập được những đặc trưng hàng đầu về nhân vật xuất chúng này. Có thể đánh giá một cách công bằng rằng ông ta đứng ngang hàng với một số người thiên tài bẩm sinh cai trị trong thế giới này; những người thỉnh thoảng xuất hiện trong tất cả các nước, với vẻ lộng lẫy vượt trội hơn hẳn những người phàm khác. Cũng nên kể cho người đọc rằng một phần bản thảo tôi vừa trình bày và những điều tiếp theo là tư liệu trong hồi ký viết tay của ông Barissy, sĩ quan tình báo Pháp, chỉ huy một chiếc tàu khu trục phục vụ vương triều này. Và do phần trước rất phù hợp với những gì chúng tôi tìm hiểu được ở vịnh Turon [Tourane, Đà Nẵng], thông qua phiên dịch của chúng tôi, một thư ký người Trung Quốc của chính quyền nơi đó; và có sự liên hệ khác với các vị Thừa sai trú ngụ tại đó, tôi không ngần ngại ngẫm tin tưởng mức độ chính xác ở phần sau. Sự kiện qua tư liệu được chứng thực qua sự hợp tác của hai người Anh, từng đến thăm Sai-gong [Sài Gòn] vào các năm 1799 và 1800.

Tên phản loạn Yin-yac [Nguyễn Nhạc] không làm sống lại được hạm đội đã bị thiêu hủy. Hết năm 1793 do bệnh não, sau khi chúng tôi rời khỏi Turon [Tourane, Đà Nẵng] vài tháng. Nguồn tin nêu lên, được cho rằng cái chết gây ra bởi cơn thịnh nộ, cùng tuyệt vọng vì sự thành công của vị Vương hợp pháp. Nhưng cũng có nguồn tin khác cho rằng y điên loạn không kiểm soát được, nên kẻ âm mưu nhân dịp thủ tiêu y bằng thuốc độc. Con y lên nắm quyền bính, nhưng anh ta sẵn với tất cả sự tội tệ, không có tài cán như người cha; độc ác, gian dối và đầy thù hận, bị mọi người ghét. Vào năm 1796, Caung-shung [Nguyễn Vương Phúc Ánh] đánh chiếm thủ đô của y bằng bộ binh. Bấy giờ y có 100 ngàn quân, nhưng Nguyễn Vương với lực lượng ít hơn, đã đánh bại và chiếm thành Quin-nong [Qui Nhơn]. Trong dịp này, một trường hợp đã xảy ra về lòng độ lượng phi thường của Caung-shung [Nguyễn Vương Phúc Ánh]. Khi quân

trong thành đầu hàng, Nguyễn Vương sau khi tham chiến suốt ngày, kiếm lăm lăm trong tay, mệt mỏi ngồi trên ghế kiệu để truyền lệnh vào thành. Khi kiệu băng qua phía trong cửa, bị một kẻ nấp trong thành lữ bắn. Lính hộ vệ lập tức bắt được thủ phạm, trói quặt tay sau lưng, lôi đến trước mặt Vương. Họ khám phá ra rằng y là sĩ quan cấp tướng, thân thuộc với bọn bạo loạn. Theo tục lệ Trung Quốc trong trường hợp muốn giảm nhẹ hình phạt tử hình; Nguyễn Vương bảo y, thay vì chém bay đầu; thế theo cấp bậc của y sẽ đưa 3 vật giúp lựa chọn cách chết: một liều thuốc độc, một giải lụa dùng thắt cổ, hoặc một chiếc dao găm. Tên tướng phản loạn đáp:

“Nếu ông không sợ tôi, hãy lập tức thả tôi ra; tôi thề rằng không sống dưới sự che chở của ông hoặc tuân theo luật pháp của ông. Nếu ông dám theo lời yêu cầu, tôi sẽ trở về Huế; với cấp bậc và tư cách, tôi sẽ được giao chỉ huy một đơn vị quân đội và sẽ rất hãnh diện được gặp ông!”

Lời nói táo bạo và thẳng thừng của viên tướng địch gây ấn tượng, khiến Nguyễn Vương ra lệnh cởi trói, đưa y đến biên thủy phía bắc. Rồi năm sau chính viên tướng này là cấp chỉ huy số hai trở lại vây thành Quin-nong [Qui Nhon], y chết tại đây.

Con của Yin-yac [Nguyễn Nhạc] hoàn toàn bị khuất phục, đất nước của y cho đến vịnh Turon [Tourane, Đà Nẵng] đều nằm trong chính quyền hợp pháp. Tên thủ lĩnh phản loạn trẻ [Nguyễn Quang Toản] vẫn còn đóng đô tại Huế chiếm giữ vùng đất Tung-quin [Đông Kinh] mong chống lại với Caung-sung [Nguyễn Vương Phúc Ánh], người đang chuẩn bị vũ khí đáng gờm để thôn tính. Mặc dù không có tường thuật xác thực nào, kể từ thời kỳ này tôi đã đến Anh; nhưng có căn cứ để tin rằng Nguyễn Vương đã chinh phục được toàn vẹn lãnh thổ.

Chú thích:

1. Chính sử ghi Giám mục Bá Đa Lộc và Hoàng tử Cảnh trở về nước vào tháng 6 năm Kỷ Dậu [22/7-20/8/1789].

2. Về ngày mất của Vua Quang Trung **Đại Nam Liệt Truyện** và **Thanh Thực Lục** đều ghi vào ngày 29 tháng 9 năm Nhâm Tý [13/11/1792]; riêng **Đại Nam Thực Lục** ghi vào tháng 7 năm Nhâm Tý [18/8-15/9/1792]

3. Hạm đội của sứ bộ Macartney gồm 3 chiếc tàu, dẫn đầu là chiến hạm Lion đến Đà Nẵng vào ngày 24 tháng 5 năm 1793, qua bờ biển Trung Quốc vào tháng 6, đến Bắc Kinh vào tháng 8, yết kiến Vua Càn Long vào tháng 9 năm 1793.

5. His character-His attachment to the Bishop D'Adran-Extraordinary energy of his bodily and mental faculties-His land and marine forces. (*Tính cách và phẩm chất của Nguyễn Vương - Sự gắn bó giữa ngài với Giám mục Bá Đa Lộc - Năng lực phi thường của ngài về thể chất và tinh thần – Lực lượng bộ binh và hải quân của ngài.*)

Từ năm 1790 khi Caung-sung [Nguyễn Vương Phúc Ánh] trở về nước cho đến năm 1800; ông chỉ hưởng được 2 năm 1797, 1798 hòa bình. Có lẽ đó là thời gian quan trọng kể từ thời kỳ triều đại gặp rắc rối cho đến lúc này. Dưới sự bảo trợ của Giám mục Bá Đa Lộc, nhân vật rất quan trọng như một nhà tiên tri trong việc thực hiện; Nguyễn Vương lưu ý cải cách đất nước. Ông ta mở xưởng chế diêm tiêu (1) tại Fen-tan; mở đường lập trạm thông tin giữa các đồn và thành phố, hai bên đường trồng cây che mát. Ông khuyến khích dân chúng trồng đậu và ớt tiêu trên những đồn điền trước đây bị tàn phá bởi quân phản loạn. Ông ban thưởng cho kẻ truyền bá tư tưởng; dành vùng đất rộng lớn để trồng mía; và lập xưởng chế hắc ín, nhựa đường. Ông thúc đẩy chế tạo hàng ngàn khẩu súng hỏa mai; khai các mỏ sắt, xây dựng lò luyện kim. Ông chia lực lượng bộ binh thành những trung đoàn chính qui; lập trường quân sự, tại nơi này huấn luyện viên Âu Châu dạy các sĩ quan lý thuyết về đạn dược, vũ khí. Giám mục Adran [Bá Đa Lộc] đã dịch sang chữ Hán hệ thống chiến thuật quân sự, dùng cho quân đội của Vương. Trong thời gian 2 năm ông đã đóng xong 300 thuyền sử dụng súng lớn, hoặc thuyền buồm; 5 thuyền chèo, 1 tàu khu trục theo kiểu Tây Phương. Ông xây dựng hệ thống chiến thuật hải quân; sĩ quan hải quân của ông đều được huấn luyện dùng tín hiệu. Một người Anh đến Sài Gòn năm 1800 mà tôi đã đề cập, thấy một hạm đội thuyền gồm 1.200 buồm, dưới sự trực tiếp điều khiển của vị Vương này,

thả neo dọc theo sông rất trật tự, chia làm 3 sư đoàn tạo thành những thế trận, đóng hoặc mở, thao tác những cách khác nhau, tuân theo tín hiệu.

Trong thời gian hòa bình này ông ta biết cách cải cách hệ thống pháp luật, chắc chắn ông được sự giúp đỡ của Giám mục. Ông đã hủy bỏ một số cách hành hạ tội nhân, mà luật pháp nước này từ xưa đến bây giờ vẫn làm, và giảm hình phạt xét ra không cân xứng với tội. Ông cho thiết lập trường công, bắt buộc bằng hình phạt, khiến cha mẹ phải cho con đi học vào năm 4 tuổi. Ông đặt ra một hệ thống luật lệ thu lợi tức buôn bán cho vương quốc, bắc cầu qua sông, đặt phao và dấu hiệu nơi nguy hiểm tại bờ biển; thực hiện khảo sát tại các vịnh và bến cảng. Ông đưa những toán đặc nhiệm đến các vùng núi non miền tây Vương quốc, tại nơi dân Lào và Mèo sinh sống, nhấm đưa họ vào văn minh và cai trị. Những người miền núi này bị người Trung Quốc kỳ thị gọi là “*Người có đuôi*”; nhưng thực ra họ có khả năng là hậu duệ dân tộc của một đế chế văn minh.

Nói vắn tắt, nước quân chủ này qua sự miệt mài ứng dụng nghệ thuật, sản xuất; giống như Peter nước Nga (2), không dùng sự tàn bạo, lấy sự trong sạch cá nhân làm mẫu mực gây niềm phấn khởi cho con dân trong nước; và cũng giống như nhân vật bất tử Alfred (3) của chúng ta, đã không tiếc công sức để xây dựng đất nước. Với nỗ lực hành động và gắng sức, chỉ trong vòng chưa đầy 10 năm, ông đã hình thành từ bước đầu một tàu chiến, đã tích lũy được một hạm đội gồm 1200 tàu, trong đó có 3 chiếc được xây dựng theo kiểu tây phương, khoảng 20 ghe mảnh giống như của Trung Quốc, nhưng được trang bị đủ người, vũ khí; và số còn lại là thuyền vũ trang và vận tải.

Nói theo nghĩa chặt chẽ nhất của từ ngữ, Caung-sung [Nguyễn Vương Phúc Ánh] tượng trưng cho một quân nhân hoàn hảo. Ông ta được cho là vị tướng thân yêu và đáng kính hơn là nhà cai trị; vị tướng can đảm nhưng không liều lĩnh, dò dào ý tưởng khi cần vượt qua khó khăn. Tư tưởng ông thường đúng, cách cư xử cứng rắn; không chán nản lúc gặp khó khăn, hoặc bỏ cuộc trước các chướng ngại. Ông thận trọng khi quyết định; một khi bắt tay vào giải quyết thì nhanh nhẹn và mạnh mẽ để thực hiện; trong chiến trận, ông luôn luôn sáng suốt phân biệt rõ ràng. Là người đứng đầu quân đội, ông tỏ ra vui vẻ hài hước; lịch sự và chú ý đối với kẻ dưới quyền; tránh tỏ ra ưu đãi một cá nhân nào hơn những người còn lại. Ký ức ông rất chính xác, nhớ tên hầu hết các thành phần trong quân. Ông vui vẻ trò chuyện với lính, thường nói về những thành tựu và mạo hiểm, hỏi thăm vợ con họ, nếu con còn đi học thì bàn việc xếp đặt cho nó trong tương lai. Nói tóm lại, ông đề cập đến những chi tiết nhỏ nhất liên quan đến vấn đề trong nước.

Cách cư xử với người ngoại quốc, Nguyễn Vương tỏ ra dễ mến và khiêm nhường. Đối với những sĩ quan Pháp làm việc dưới quyền ông ta rất lưu ý; đối đãi với họ hết sức lễ phép, thân ái và vui vẻ. Trong các cuộc đi săn dã ngoại, tiệc tùng; một trong số sĩ quan này luôn luôn được mời tham dự. Ông công khai tuyên bố sự tôn kính lớn lao của mình đối với giáo lý của Cơ đốc giáo, chấp nhận tôn giáo này và thậm chí cả những tôn giáo khác trong lãnh thổ của mình. Ông tuân thủ nghiêm ngặt nhất các nguyên tắc về lòng hiếu thảo, như đã nêu trong tác phẩm của Khổng Tử, khiêm cung trước mặt mẹ mình (vẫn còn sống), như đứa trẻ đứng trước chủ nhân.

Ông rất quen thuộc với những công trình nổi bật của các tác giả Trung Quốc; lại thâm hoạch kiến thức trong **Bách Khoa Toàn Thư** do Giám mục Bá Đa Lộc dịch sang Hán văn; hiểu biết không hề tầm thường về nghệ thuật và khoa học châu Âu, trong đó ông gắn bó nhất về những kiến thức liên quan đến hàng hải và đóng tàu. Nắm chắc thu lượm hoàn chỉnh kiến thức lý thuyết và thực hành để kiến trúc tàu thuyền Âu Châu; ông ta mua một chiếc tàu Bồ Đào Nha, với mục đích tháo ra từng phần, từng tấm để riêng, rồi tự tay ráp lại với tấm khác giống y; cho đến khi mọi dầm, gỗ, đầu gối, ván đều thay thế bởi cái mới do ông chế tạo, và chiếc tàu được cải tạo hoàn toàn mới.

Năng lực về trí tuệ của Vương không kém phần thể chất. Thực sự ông như là chiếc lò xo chính cho mọi chuyển động diễn ra trong vương quốc rộng lớn và thịnh vượng này. Người quản lý cảng và kho vũ khí, thợ chính của xưởng đóng tàu và kỹ sư trưởng của mọi công tác, không có việc gì được thực hiện mà không có lời khuyên và chỉ dẫn của ông. Trong trường hợp đã đề cập ở trên, không một cái đinh nào đóng mà không hỏi ông; không một cỗ súng được đặt lên mà không có lệnh của ông. Ông không những đưa lời chỉ dẫn chi tiết; lại còn thực sự quan sát kẻ dưới làm.

Để có thể làm tốt hơn những điều quan tâm về chính phủ; cách sống của ông được quy định bởi thời khắc cố định. Từ chiếc ghế dài, ông thức dậy vào lúc 6 giờ sáng, rồi đi tắm bằng nước lạnh. Vào 7 giờ, giải quyết việc quan: đọc những giấy tờ nhận từ hôm trước, lần lượt ra lệnh, để người thư ký ghi lại đầy đủ. Rồi ông đến xưởng hải quân, xem xét công việc đã làm lúc ông vắng mặt; chèo thuyền trên bến cảng kiểm soát các tàu chiến. Ông đặc biệt chú ý đến cục quân nhu, lò đúc nhô lên trong xưởng, đúc đại bác nhiều cỡ.

Vào lúc 12 giờ hoặc 1 giờ chiều ông ăn sáng tại xưởng hải quân với chén nhỏ com và cá khô. Lúc 2 giờ trở về nghỉ tại phòng, rồi ngủ cho đến 5 giờ. Lại thức dậy, cho các sĩ quan bộ binh, hải quân, chánh tòa, cơ quan nhà nước gặp mặt; nghe lời đề nghị của họ, rồi đồng

ý, hoặc chống lại hay sửa đổi. Ông lo công việc nhà nước cho đến nửa đêm, sau đó nghỉ tại phòng riêng. Việc thực hiện ghi nhớ như sự xuất hiện trong ngày đã được gợi ý. Ông ăn tối, nghỉ ngơi với gia đình; vào khoảng 2 hoặc 3 giờ lại đi ngủ, như vậy 2 lần ngủ được 6 giờ trong, vòng 24 tiếng đồng hồ.

Ông ta không dùng rượu Trung Quốc, hoặc rượu mạnh. Một phần thịt, một ít cá, com, rau, trái cây, bánh ngọt nhẹ là thành phần thức ăn chính của ông. Giống như hậu duệ thực sự Trung Hoa, ông tự hào là người trong hoàng gia nhà Minh; ông luôn luôn ăn một mình; không cho phép vợ, hoặc thành viên trong gia đình cùng ngồi ăn chung bàn. Cũng do tự hào, trong năm 1799 ông không cho một vài người Anh đến thăm tại dinh thự riêng, và bảo rằng đất nước chưa ổn định không sẵn sàng đón tiếp khách lạ một cách trọng thể. Không làm, cách thứ lỗi này, theo thói tục người Trung Quốc; nhưng không có vẻ gì là ghen tị hay cố ý tước đoạt phương tiện thỏa mãn sự tò mò của người lạ. Ngược lại, khách được tự do xem mọi nơi trong xưởng hải quân, thăm thành phố và các công sự. Ông ta không phản đối tiếp đãi họ với tư cách là một tướng lãnh, nhưng từ chối tiếp xúc với tư cách là vị lãnh chúa.

Vóc dáng ông có phần lớn hơn người bình thường; nét mặt đều đặn dễ coi, nước da hồng hào, có vẻ bị cháy nắng nhiều, bởi liên tục bên ngoài trong mọi thời tiết. Ông ta lúc này (1806) vào khoảng 50 tuổi.

Về tiếng Anh, ông biết rất ít ngoại trừ tên nước; nhưng ông được cho là luôn luôn bày tỏ sự tôn kính lớn lao đối với tính cách dân nước này. Khi người Pháp nói điều này, thì họ cũng tin như vậy. Ông biểu lộ những bằng chứng có xu hướng tốt về nước Anh. Ông đã ban những sắc lệnh cho các tàu của chúng ta được ghé vào bến cảng bất cứ lúc nào, miễn mọi khoản thuế và lệ phí đậu tại cảng. Một trường hợp đã xảy thể hiện tính cách hào phóng của ông ấy, theo quan điểm công bằng. Một chiếc thuyền buôn người Anh từ Quảng Đông đến Sài Gòn; thuyền trưởng và Sĩ quan thứ nhất chết. Nhắm ngăn cản cướp bóc có thể xảy ra và thiệt hại không thể tránh được của chủ tàu bởi mất những người được giao phó quản lý; ông ra lệnh cho Thuyền trưởng Barissy [người Pháp] cùng thủy thủ cơ hữu trên tàu, lái tàu về Quảng Đông, phí tổn do chính ông chịu; giao an toàn cho chủ tàu hoặc người đại diện có thể tìm thấy tại Ma cao.

Dù rằng không có sự thay đổi rõ rệt trong hành vi của ông đối với Sĩ quan Pháp dưới quyền. Tuy nhiên, người ta bảo rằng người Pháp đã phải cam chịu rất nhiều về sự đánh giá của ông. Kể từ thời điểm ông phải chứng kiến sự đối xử vô nhân đạo và vô lý mà gia đình bất hạnh trên ngai vàng phải chịu đựng bởi một đám người man rợ và những kẻ buôn người. Một

tâm hồn như Caung-shung [Nguyễn Vương Phúc Ánh], cũng không thể làm gì hơn là run rẩy sống. Bị đuổi ra khỏi lãnh thổ của mình, và bôn ba nhiều năm như một kẻ bị ruồng bỏ, lưu vong. Hèn chi, khi so sánh một nước đã xua đuổi gia đình Hoàng gia; với một nước khác giang tay đón nhận; thì ông ta ắt sẽ mong muốn trau dồi sự thân hữu với nước đề cập sau hơn là nước đề cập trước. Tuy nhiên chúng ta [nước Anh] đã không thực hiện những vụ việc liên quan đến nhân vật phi thường kia đến một tầm mức làm tăng sự giao ước thân thiện; nhưng nó đã không làm mất nhiều sự thuận lợi về thương mại. Công ty Đông Ấn (4) cuối cùng được thuyết phục về tình hữu nghị với Vua nước Việt Đàng Trong thực sự đã gửi một sứ giả từ Quảng Đông đến Sài Gòn vào năm 1804 hoàn toàn thất bại; nhưng sẽ nói thêm ở phần sau.

Đức Giám mục Bá Đa Lộc mất năm 1800; công tâm về cuộc đời Ngài cần xét rằng tâm tình nhà Vua, sự phục hưng của triều đại, thành công trong cuộc chiến, cải thiện quốc gia trong giai đoạn hòa bình, và trên hết sự phát triển nhanh về nghệ thuật, sản xuất, khoa học đều nhờ vào thiên tài, sự chỉ bảo và lòng trung thành của vị Thừa sai này. Về nhà Vua, yêu đến mức ngưỡng mộ, bằng lời văn bia chỉ dùng ban tặng một mình Không Tử “*Bậc thầy lừng lẫy*”. Bằng chứng về sự tôn kính, sau khi thi thể ngài được chôn cất theo lễ nghi tôn giáo La Mã bởi các vị Thừa sai khác; nhà Vua ra lệnh đem thi thể làm lễ tang trang trọng theo nghi thức tôn giáo nước Việt Đàng Trong. Ông cũng không thể từ bỏ dấu hiệu danh dự này trong ký ức của mình; tuy nhiên cần lưu ý đến những lời cầu xin và cáo buộc của các nhà truyền giáo Pháp, những người không thể không bối rối trước sự tiến hành không thiên lệch như vậy.

Có thể nói rằng nhiệm vụ Giám mục không dễ thực hiện. Với trọng trách có vấn cho Vua, thầy dạy của người con; tự nhiên ông bị tất cả các quan lại ghen ghét. Họ cấu kết chống đối ông ta, mạo hiểm đưa ra lời phản đối với nhà vua về sự vô đạo đức cũng như sự khiếm nhã khi giao phó việc giáo dục con thừa kế cho người nước ngoài. Những kẻ này không tôn trọng luật, không đếm xỉa đến tôn giáo của tổ tiên, nên điều cần thiết thúc dục đưa con thừa kế đặt dưới sự chỉ dẫn của học giả thông thạo về chính đạo ghi trong các tác phẩm của Không Tử. Trong trường hợp như vậy, nhà Vua với thái độ cứng rắn xua đuổi những ông quan đứng đầu bộ đến can gián; và đôi khi không dấu dếm quyết định chẳng tha hy sinh tình bạn với các quan đứng đầu bộ, còn hơn là từ bỏ đức Giám mục do đó ngài vẫn tiếp tục được ngấm tin cậy cho đến giây phút cuối cùng của cuộc đời.

Hoàng hậu là người đàn bà đức hạnh tuyệt vời, rất cứng rắn; yểm trợ và an ủi Vua trong nghịch cảnh. Họ có 7 người con; hai người con đầu được giao cho Giám mục Bá Đa Lộc

dạy dỗ. Người con chính thức thừa kế, tức cậu bé được đức Giám mục đưa đến Paris, mất sau Giám mục không bao lâu. Anh là người mềm mỏng dễ mến, phong phú đạo đức xã hội; tài năng thích hợp với nội địa yên tĩnh hơn là cảnh nhộn nhịp của cuộc sống công cộng. Người em thứ hai, hiện nay được thừa kế, mang tính chất một quân nhân hoàn hảo. Làm cận vệ cho cha trong 3 năm; 5 năm làm Hạ sĩ và Trung sĩ; trong thời gian phục vụ anh đã tham gia nhiều trận đánh. Năm 1797 được thăng cấp bậc Trung tá; rồi năm sau được chỉ định làm thống đốc một tỉnh miền Nam. Năm 1800, được thăng cấp tướng, giao chỉ huy 35.000 quân; trong năm này anh đánh chiến thắng quân bạo loạn tại miền Bắc giết 9.000 quân địch, tịch thu tất cả voi chiến và đại bác (5).

Lực lượng quân sự của Vua nước Việt Đàng Trong vào năm 1800, theo sự tiết lộ của Hạm trưởng Barissy như sau:

Bộ binh:

- 24 đội quân kỵ bò: 6.000 người.
- 16 tiểu đoàn voi (200 con): 8.000 người.
- 30 tiểu đoàn pháo binh: 15.000 người.
- 25 trung đoàn, mỗi đơn vị 1.200 người (huấn luyện theo phép Âu châu):30.000.
- Bộ binh với súng hỏa mai, gươm, huấn luyện theo lối cổ của nước này: 42.000

người.

- Lính bảo vệ, huấn luyện theo chiến thuật Tây phương 12.000

Lực lượng bộ binh: 113.000

Hải quân:

- Thợ chuyên nghiệp trong hải xưởng: 8.000 người.
- Thủy thủ các tàu tại bến cảng: 8.000.
- Thủy thủ phục vụ trên tàu kiểu Âu châu: 1.200.
- Thủy thủ trên ghe: 1.600.
- Thủy thủ trên 100 thuyền chèo: 8.000.

Công việc tại biển : 26.800

Tổng cộng: 139.800

.



Painted by W. Alexander

Engraved by T. M. Hall

Cochin-chinese Soldier

Published June 4, 1860, by Messrs. G. & J. Davis, Strand, London

Cochinchina soldier

(Lính nước Việt Đàng Trong)

Phẩm chất của quân đội này, nếu đánh giá theo tiêu chuẩn Âu châu, tôi không thể nói theo kiểu giả tưởng; nhưng qua quan sát một vài người thì họ trẻ tuổi, năng động, khỏe mạnh; không thiên về y phục, không có đồng phục thẳng nếp và màu sắc. Đặc biệt lễ phục cho lính đứng gác trong ngày lễ đón tiếp công khai chúng tôi, mũ có viền và tua như đuôi bò; riêng áo bông và quần thì hoàn toàn như Trung Quốc. Thông thường chít khăn đội đầu, giống như khăn xếp; khoác một chiếc áo lông léo, có 2 ngăn túi; thành phần quần áo của quân lính giống như hình phụ lục (6) lấy từ cuộc sống thực.

Tiểu sử của vị Vương này, tôi đã đưa ra những nét phác họa là bài học về tấm gương hữu ích cho những người rơi vào hoàn cảnh bất hạnh giống như vậy, nhằm hoàn thành nhờ sự kết hợp giữa tài năng, can đảm và sự chỉ đạo đúng đắn. Bị đuổi ra khỏi nước, phải chạy ra khỏi tay của kẻ bạo loạn giết người, chịu đựng nỗi đau đớn nhất; rồi trong vòng 10 hoặc 12 năm lấy lại lãnh thổ cũ, lại lấy thêm đất đai của Hoàng triều Tung-quin [Đông Kinh], đất này thời xưa thuộc về Vua nước Việt Đàng Trong. Có nguồn tin cho biết rằng ông ta đòi hỏi Vua nước Trung Quốc nhượng bộ đảo lớn Hải Nam, nhưng không đạt được mục đích mở rộng lãnh thổ của mình; chỉ để lại đằng sau ông danh tiếng khôi phục lại nước Việt Đàng Trong để thực hiện lời nguyện “Tiên”, không ngồi lại để yên hưởng thành quả chinh phục, được minh họa qua câu thơ như sau:

Fame is the spur that the clear spirit doth raise

(That last infirmity of noble mind)

To scorn delights and live laborious days; (7)

nổi tiếng thúc đẩy tinh thần dăng cao,

(Nhược điểm của đầu óc lớn)

Kinh bỉ hưởng lạc, sống những ngày phấn đấu.

Sự tiến triển về nỗ lực của Nguyễn Vương cũng cho thấy những điều đáng chú ý khác, không phải không phục vụ cho sự chú ý của chính phủ Anh ở Ấn Độ. Nếu Vương triều này giữa cuộc phấn đấu chống bạo loạn để dành lãnh thổ và trong hoàn cảnh xấu nhất, có thể trong thời gian ngắn 10 năm tìm được phương tiện để tạo ra và trang bị một hạm đội với 1200 chiến thuyền. Còn có bao nhiêu vũ khí đáng gờm hơn, chuẩn bị cho nước này dưới thời Louis 16, nếu hiệp ước Pháp Việt có hiệu lực? Và điều gì có thể xảy ra nếu không phải là chính phủ tích cực

hơn hiện nay của Pháp bị cám dỗ để thử thời vận ở đất nước duy nhất còn lại tại phương đông này, nơi họ có thể khuây khỏa với hy vọng hợp lý thâu lượm được cơ sở vững chắc lâu dài?

Chú thích:

1. Diêm tiêu: Vật liệu chế thuốc súng.

2. Peter I nước Nga (Peter Đại đế) là Sa hoàng của Nga từ năm 1682-1721 và là Hoàng đế của Nga từ năm 1721-1725. Trong suốt thời gian trị vì lâu dài của mình, Peter có quyền lực tuyệt đối và mang lại sự thay đổi thực sự cho nước Nga, bao gồm việc xây dựng lực lượng hải quân đầu tiên, đưa công nghiệp hóa vào hoạt động, thành lập các tổ chức giáo dục và tạo ra thủ đô mới của Nga, St. Petersburg. Peter thích học hỏi từ người nước ngoài, đặc biệt là trong chuyến đi dài của ông đến Tây Âu. Chuyến đi này cho phép ông hiện đại hóa nước Nga và đưa nước này ngang hàng với các quốc gia châu Âu hùng mạnh và hiện đại khác.

3. Alfred sinh năm 849 - mất năm 899; là vua của Wessex (871–899), một vương quốc Saxon ở tây nam nước Anh. Ông đã ngăn chặn nước Anh khỏi rơi vào tay người Đan Mạch và thúc đẩy việc học tập và xóa mù chữ.

4. Công ty Đông Ấn tức East India Company, một công ty lớn của nước Anh làm những thương vụ lớn tại châu Á; như bán nha phiến tại Trung Quốc, gây ra cuộc Chiến Tranh Nha Phiến lúc bấy giờ.

5. Người con thứ hai của Nguyễn Vương Phúc Ánh là Nguyễn Phúc Hy từng tham gia chiến trận, chỉ huy quân tại Phú Yên vào năm 1800; nhưng **Đại Nam Thực Lục** không nêu những thành tích như sách này chép.

6. Hình phụ lục: Hình người lính nước Việt Đàng Trong ở trên.

7. Mấy câu thơ trích trong bài **Lycidas** của John Milton viết năm 1637.

